



## HOMework: WEEK 13

Exercise 1: Choose the correct answer. (Em chọn đáp án đúng.)




eyes  
face

①




nose  
ears

②




nose  
mouth

③




head  
hair

④



face  
hair

⑤



ears  
mouth

⑥

Exercise 2: Look, read and number. (Em hãy đọc và điền số đúng.)



- 1. long hair
- 2. small eyes
- 3. big eyes
- 5. a small nose
- 4. short hair
- 6. a big nose


Exercise 3: Find the unnecessary letter. (Em hãy tìm chữ cái thừa để viết từ đúng.)

1    n   o   ~~a~~   s   e   

2    e   y   i   e   s   

3    f   e   a   c   e   

4    m   a   o   u   t   h   









5    h   a   i   r   r   

6    e   a   i   r   s   

Exercise 4: Reorder the words. (Em sắp xếp các từ thành câu đúng.)

1. I ( 've got / 's got ) one body.
2. She ( 've got / 's got ) two hands.
3. He ( 've got / 's got ) ten fingers.
4. It ( 've got / 's got ) one nose.
5. I ( have got / has got ) two eyes.
6. She ( have got / has got ) ten toes.
7. He ( have got / has got ) two ears.
8. Anna ( have got / has got ) one mouth.
9. Tom ( have got / has got ) short hair.
10. The dog ( have got / has got ) four legs.

Exercise 5: Reorder the words. (Em sắp xếp các từ thành câu đúng.)

	<b>1. arms / your / move</b>  =>
	<b>2. your / feet / stamp</b>  =>
	<b>3. hand / your / wave</b>  =>
	<b>4. your / hands / clap</b>  =>
	<b>5. your / legs/ move</b>  =>
	<b>6. mouth / your / touch</b>  =>
	<b>7. legs/ your / shake</b>  =>
	<b>8. eyes / your / touch</b>  =>